NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA VĂN HỌC PHẬT GIÁO LÝ - TRẦN

Phạm Thị Thu Loan[1]

TÓM TẮT

Văn học Phật giáo Lý - Trần được xem là thành tựu xuất sắc nhất của văn học Phật giáo Việt Nam. Quá trình sưu tập và nghiên cứu nó được liên tục chú trọng từ thời trung đại tới nay, bởi nhiều thế hệ tu sĩ và học giả Phật giáo. Công tác nghiên cứu được thực hiện trên nhiều phương diện: sưu tầm, dịch thuật, tìm hiểu nội dung, phân tích cấu trúc thi pháp, so sánh học... Tuy đó là những bước đi cần thiết tất yếu của lý luận văn học nhưng chưa đủ. Tìm hiểu về các đặc điểm cơ bản của văn học Phật giáo Lý - Trần từ sự kết hợp giữa triết học Phật giáo và lý luận văn học là hướng nghiên cứu khoa học để tìm ra bản chất và diện mạo của bộ phận văn học này.

Từ khóa: *Văn học Phật giáo, Đại thừa Phật giáo, các tông phái, tác phẩm văn học Phật giáo Lý - Trần.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học Phật giáo Lý - Trần là thành tựu văn học Phật giáo dân tộc kết tinh ở đỉnh cao nhất của sự phong phú và tinh hoa, dưới ảnh hưởng sâu xa và quyết định của tư tưởng Đại thừa Phật giáo. Vị thế lịch sử của văn học Phật giáo Lý - Trần được xác lập ở điểm nó vừa tiếp tục dòng chảy văn học Phật giáo thời Giao Châu, vừa đảm nhiệm sứ mệnh là bộ phận đặc biệt của văn học dân tộc trong tư cách mở đầu cho toàn bộ sự phong phú, liền mạch, tổng hợp của hơn mười thế kỉ văn học trung đại Việt Nam. Số lượng tác giả, tác phẩm của văn học Phật giáo Lý - Trần chiếm phần lớn trong toàn bộ nền văn học Trung đại thời đại Lý - Trần (khoảng 471 tác phẩm, lực lượng sáng tác chủ yếu là các thiền sư) [5; tr.174]. Văn học Phật giáo Lý - Trần còn là khởi nguồn của cảm hứng nhân văn trong văn học dân tộc thành văn với sự đóng góp nổi bật về hình tượng người thiền sư cầu giải thoát ngồi trầm tư suốt thời gian và không gian để chiêm nghiệm về sinh mệnh con người. Trải qua quá trình biến thiên của lịch sử nhiều biến động, dù số lượng còn lại không nhiều, nhưng các tác phẩm văn học Phật giáo Lý - Trần bộc lộ tính xuất sắc của nó cả ở phương diện giáo nghĩa và ngôn ngữ, sau được tập hợp lại trong một số cuốn sách tiêu biểu như: "Thiền uyển tập anh", "Thánh Đăng Thực Lục", "Kế Đăng Lục", "Nam Tông Tự Pháp Đồ", "Khóa hư lục", "Thiền tông chỉ nam", "Lục thời sám hối khoa nghi", "Thạch thất Mị ngữ" và "Tăng

[1] *Giảng viên khoa Đại cương, Trường Đại học Thái Bình*

già thoái sự", "Thượng Sĩ Ngữ Lục", "Tam Tổ Thực Lục", "Tam Tổ Hành Trạng"… (Phần lớn các tác phẩm kể trên chưa xác định được tác giả cụ thể). Các tác phẩm văn học Phật giáo Lý - Trần được tập hợp trong cả ba loại hình văn học: tự sự, trữ tình và chính luận. Các thể loại văn học cụ thể rất phong phú, trên cơ sở tiếp thu các thành tựu thể loại văn học Trung Hoa. Bao gồm ca, kệ, thơ, luận thuyết triết lý, tựa, chú giải, dịch thuật, thuật ký, thư tranh luận thơ, biên khảo. Những thể loại này phục vụ cho mục đích tôn giáo nên đa số thuộc văn học chức năng - một truyền thống của văn học cổ - trung đại. Các hình thức lưu truyền chúng cũng khá phong phú: sách, khắc ván, minh chuông, bia… Những đặc điểm vừa riêng biệt vừa thống nhất với đặc điểm hệ hình văn học trung đại khiến cho văn học Phật giáo Lý - Trần có một diện mạo độc đáo và vị thế lịch sử quan trọng.

Là một bộ phận của văn học dân tộc và là sự tiếp tục của dòng chảy văn học Phật giáo Việt Nam cổ đại, văn học Phật giáo Lý - Trần có sự tiếp nối truyền thống văn học Phật giáo rất đồ sộ thời Giao Châu. Đồng thời nó cũng biểu thị tư tưởng thời đại "Phật giáo thế sự" và "Phật quang đồng trần" vui đạo tùy duyên - tiếp nối thời kì "Phật giáo quyền năng" và "vận động độc lập" theo nhận định của Lê Mạnh Thát [4; tr.5]. Bởi vậy, dù xuất hiện những "gương mặt lạ" như thiền sư Quảng Nghiêm, Diệu Nhân, Tuệ Trung, song văn học Phật giáo Lý - Trần vẫn nổi bật đặc điểm bao trùm và cơ bản nhất là nền văn học sùng đạo với chức năng thể hiện và truyền bá tư tưởng, giáo lý nhà Phật thời Lý - Trần. Điều này sẽ quy định kiểu tư duy "trực cảm tâm linh", dung hợp tam giáo, chi phối toàn bộ quy trình sáng tạo tác phẩm là cảm hứng nghệ thuật, sự lựa chọn đề tài, cái tôi nhà văn - ngôn ngữ tác phẩm, phẩm chất của hình tượng nghệ thuật, các phương thức biểu đạt… Tính triết lí và tính trữ tình hòa quyện trong sự thể hiện và dung hòa các hệ tư tưởng, cảm hứng về đất nước, thiên nhiên và quan niệm về con người. Đây cũng là mảng văn học vẫn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của thi văn Trung Quốc nhưng đã cố gắng vận động phát triển theo hướng dân tộc hóa, bước đầu có ý thức về bản sắc ngôn ngữ, đề tài tư tưởng mang bản sắc dân tộc. Điều đó biểu thị qua sáng tạo và sử dụng chữ Nôm trong sáng tác, sử dụng đề tài, thi liệu văn liệu của Việt Nam, nội dung phản ánh cuộc sống và tinh thần của người Việt.

2. NỘI DUNG

2.1. Thế giới quan, nhân sinh quan và hệ thống triết lí của văn học Phật giáo Lý - Trần xuất phát từ tư tưởng của Đại thừa Phật giáo

Thế giới quan, nhân sinh quan và hệ thống triết lí của văn học Phật giáo Lý - Trần xoay quanh tư tưởng gốc rễ của Phật giáo Đại thừa lấy tư tưởng Không - Vô thường - Vô Ngã làm cứu cánh giải thoát, đặc biệt là tư tưởng từ "Kinh Bát Nhã" chú trọng quán về Không tính: "Chân Không diệu hữu - Vọng niệm duyên khởi". "Chúng

ta nói rằng, tất cả các tác phẩm của văn học Phật giáo đều cố gắng cắm sâu gốc rễ vào tánh Không" [6]. Với cái nhìn độc đáo về thế giới hiện tượng thống nhất các mặt đối lập Hữu - Vô bằng triết luận "vạn hữu giai không", Thiền tông biện giải mối quan hệ giữa tồn tại và phi tồn tại, giữa hiện tượng và bản chất, một và tất cả, vũ trụ và con người… bằng cái nhìn không phân biệt, phá chấp, tùy thuộc vào các duyên sinh diệt. Nhân sinh quan Đại thừa Phật giáo, trên nền tảng tư tưởng đó có cái nhìn thật sự bình đẳng, tích cực, đem lại niềm tin và an lạc cho con người trong mọi hoàn cảnh sống gian nan và bất toàn, có khả năng làm chủ cuộc sống, chuyển hóa khổ đau và chú trọng hạnh phúc hiện tại. Cảm hứng chủ đạo của văn học Phật giáo Lý - Trần bắt nguồn từ các triết lí về Vô thường, Vô ngã và Không của Thiền tông Đại thừa làm thành khuynh hướng văn học mang cảm hứng Thiền. Các vận động thẩm mỹ văn học của hình tượng, ngôn ngữ, kết cấu tác phẩm cho đến quan niệm nghệ thuật… đều chịu ảnh hưởng chi phối quyết định của thế giới quan và nhân sinh quan đó. Bởi vậy lần lượt trong các tác phẩm văn học Phật giáo Lý - Trần chúng ta có thể tìm ra các ý niệm, các ẩn dụ về "Tâm bất sinh", "Phật tại tâm", "siêu việt hữu - vô", "vô tâm, vô đắc, vô niệm, vô trụ, vô tu vô chứng" và quan niệm "tùy duyên", "tùy tục", hay "hòa quang đồng trần", "cư trần lạc đạo", "bình thường tâm thị đạo"... Các đề tài, chủ đề - tư tưởng chủ yếu là của văn học Phật giáo thời Lý - Trần thường xoay quanh vòng luân hồi, nhân quả, lẽ vô thường, chân lý vô ngã từ góc nhìn Thiền tông. Tác giả văn học điển hình nhất cho sự cộng hưởng tổng hợp về tư tưởng tông phái này ở giai đoạn Lý - Trần có lẽ là Tuệ Trung Thượng sĩ. Tác phẩm và hành trạng của ông phản ánh một tư duy phong phú mà nhất quán, thấu suốt mà tự tại, an nhiên. Ông bàn định cả về lý Không, đập phá cả khái niệm, quan điểm nhị nguyên, chấp ngã, chấp giới. Ông cũng biểu lộ thành công trong thi ca con người bản nhiên và con người Thiền hòa quang đồng trần như ghi nhận của Trần Nhân Tông trong Thượng sĩ hành trạng: "Ta trộn lẫn vào thế tục, hòa cùng ánh sáng, đối với mọi vật chưa từng xúc phạm hay trái ngược" *(Hỗn tục hòa quang, dữ vật vị thường xúc ngỗ)*.

2.2. Văn học Phật giáo Lý - Trần chịu sự chi phối của vận động văn học dân tộc thời kỳ sơ khởi, với ảnh hưởng của tư tưởng *Tam giáo Đồng nguyên* và hệ thống thi văn quy phạm Trung Hoa

Chúng ta đều thống nhất rằng thời trung đại văn hóa và văn học Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ của văn hóa Trung Hoa, trong đó có việc dân tộc ta phải dùng Hán văn để sáng tác văn học. "Các nhà sư đọc kinh từ văn bản Hán, thường chịu ảnh hưởng của tri thức văn hóa Hán, văn tự Hán, nhất là trong tình trạng hỗn dung văn hóa, ít có sự đối cực" (Nguyễn Công Lý). Trong bối cảnh đồng nguyên của văn hóa Trung Hoa và nhu cầu kiến tạo chính trị, kinh tế, văn hóa, pháp luật của Nước nhà, văn học Phật giáo rõ ràng có sự thích nghi và chấp nhận quan điểm đồng nguyên tam giáo giữa

Phật - Nho - Lão giáo. Nho giáo và nhu cầu quản lý xã hội phong kiến là cơ sở cho sự dung thông của tinh thần "tự nhiệm" "tề quốc" - "tu thân" của Nho học với tinh thần "dấn thân" "vị tha" "vô ngã" của nhà Phật. Bởi vậy văn học Phật giáo Lý - Trần xuất hiện hàng loạt các tác giả đồng thời là Quốc sư vừa hành đạo vừa cố vấn cho triều chính và đưa Phật giáo thời kỳ này lên địa vị Quốc giáo. Tư tưởng "Hỗn tục hòa quang" của Thiền tông hướng tới cái tự do tiêu dao tuyệt đối, sống theo bản tính hòa làm một với đạo, thuận tự nhiên, tùy tục. Triết lí "cư trần lạc đạo thả tùy duyên" rất đậm chất Lão Trang với triết lí "nhậm vận tùy duyên". Tư tưởng Lão Trang cũng làm nên con người Tuệ Trung Thượng sỹ "vô đãi, bất nhị vật, tiêu dao tùy tục an nhiên tự đắc" và pháp tu này cũng có ảnh hưởng sâu đậm lên Thiền học của Trần Nhân Tông và Thiền phái Trúc Lâm. "Một chữ Lạc của Trần Nhân Tông có sự góp mặt của cả Tam gia - Nho, Phật, Đạo" (Nguyễn Kim Sơn).

Về hình thức nghệ thuật, hầu hết các thể loại văn học, các thủ pháp nghệ thuật, cấu trúc ngôn ngữ, bên cạnh đặc điểm Thiền ngữ thì ảnh hưởng mạnh mẽ của thi văn Trung Hoa bao quát trên tất cả các mặt ngôn ngữ, hình ảnh, thủ pháp nghệ thuật, thể loại tác phẩm và các hình thức tồn tại như văn bia, chuông đồng, khắc ván, truyền tụng trong dân gian. Lê Văn Siêu cho rằng: Văn học thời Lý "bóng bẩy đẹp đẽ gần như thể văn đời nhà Đường Trung Hoa, có thành tựu về thể biền ngẫu" [3; tr.154]. Riêng thể loại văn học khá đa dạng như: sấm kí, từ khúc, ngữ lục, thơ thiền, niệm tụng kệ, ca ngâm, phú, minh - bi - ký luận thuyết tôn giáo, truyện ký... Lớp ngôn ngữ dày đặc các từ ngữ Phật giáo và mang ý nghĩa chuyên biệt về Phật giáo. Hình ảnh, biểu tượng, các thủ pháp nghệ thuật cho đến cảm quan và yếu tố thẩm mỹ đều mang đặc trưng ý nghĩa Phật học cao. Tư duy thẩm mỹ và cái Tôi tác giả mang đậm cảm hứng Thiền vị. Cảm hứng nghệ thuật, ngôn ngữ và thể loại, những thủ pháp nghệ thuật đặc trưng, những biểu tượng nghệ thuật, kết cấu, thời gian và không gian nghệ thuật làm cho lối diễn đạt và kết cấu của tác phẩm văn học Phật giáo như các công án. Ngôn ngữ "đạo đoạn" với tính cổ đúc, hàm súc, lối diễn dạt hàm ngôn ý tại ngôn ngoại, huyền ngoại chi âm... Bài viết "Hán văn Lý -Trần, thời kỳ cổ điển của 10 thế kỉ Hán văn Việt Nam thời độc lập" (tạp chí Hán Nôm số 1 - 1999) của Phạm Văn Khoái nêu quan điểm cho rằng ngôn ngữ thơ Thiền Việt Nam chịu ảnh hưởng của ngôn ngữ Hán văn thời Tiên Tần, Lưỡng Hán và ngôn ngữ kinh điển Phật giáo Trung Hoa. Về mặt thể loại, văn học Lý - Trần vay mượn những thể loại của văn học Trung Quốc để sáng tác, bao gồm vận văn, biền văn và tản văn: Vận văn có các thể thơ cổ phong, thơ luật Đường (bát cú, tứ tuyệt), từ khúc, ca, ngâm; biền văn thì mượn các thể như hịch, phú, cáo; tản văn thì mượn các thể chiếu, chế, biểu, tấu, tự, bạt, bi ký, sử ký, luận thuyết, các thể truyện… (riêng thể chiếu, chế, biểu, tấu có nhà nghiên cứu xếp vào loại biền văn. Tất cả các thể loại được sử dụng trong văn học Lý - Trần đều là những thể loại của văn học Trung Quốc.

Khi vay mượn để sáng tác, các tác giả đã tuân thủ một cách nghiêm ngặt theo những yêu cầu có tính quy phạm của từng thể loại đó. Theo như kết quả nghiên cứu hiện nay thì văn học Lý - Trần chưa có thể loại văn học tự thân, nội tại của dân tộc như ở giai đoạn văn học sau. Điều lưu ý là trong các thể loại trên, về số lượng và chất lượng thì vận văn nổi trội hơn tản văn; các thể loại trữ tình đạt nhiều thành tựu hơn thể loại tự sự.

2.3. Văn học Phật giáo Lý - Trần bước đầu có sự vận động và phát triển theo hướng dân tộc hóa

Điều đó biểu lộ rõ nét nhất trong ý thức về ngôn ngữ, đề tài và phong cách diễn đạt các yếu nghĩa của đạo Phật hướng về các đặc tính dân gian dân tộc. Từ thế kỉ X, các nhân tố văn hóa, kinh tế, xã hội, chính trị, quân sự… đã hợp lưu đủ để thúc đẩy sự phát triển độc lập và vững mạnh của Nhà nước phong kiến ở Việt Nam. Điều đó thúc đẩy khát vọng độc lập về văn hóa, đặc biệt là ngôn ngữ. Bên cạnh lối diễn đạt, từ ngữ, hình ảnh dần mang đậm sắc thái tinh thần người Việt, thì đáng kể nhất là sự xuất hiện và vai trò của chữ Nôm trong nền văn học Phật giáo trung đại. Để phù hợp với đặc điểm văn hóa và tư duy người Việt, chữ Hán dần được Việt hóa thành từ Hán - Việt, thành chữ Nôm. Tuy văn học trước thời Lý - Trần được viết bằng chữ Hán nhưng trong đó chúng ta lại thấy phôi thai hình thức tá âm để hình thành chữ Nôm giai đoạn sau, đặc biệt là trong Hán văn lại được viết theo cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt. Điều đó cũng có nghĩa là nhà chùa là nơi đầu tiên sản sinh ra tá âm. Có lẽ đây là nền tảng, để giai đoạn sau chế tác ra chữ Nôm tương đối hoàn thiện và sử dụng để sáng tác tạo nên những tác phẩm văn học ưu tú. Theo thiền sư Thích Nhất Hạnh: "Văn học chữ Nôm được hình thành trong đời Trần. Chính trong các sớ điệp, tăng sĩ phải sáng tác những chữ Nôm để kê tên họ những người muốn cầu an, cầu siêu, thọ giới và những người quá cố cần được cầu siêu độ, do đó mà chữ Nôm ra đời" [1; tr.216]. Ngôn ngữ Nôm, các hình ảnh, từ ngữ bình dị, quen thuộc với sinh hoạt đời sống Việt xuất hiện trong các bài phú, thơ Nôm của Trần Thái Tông, Nhân Tông, Huyền Quang... Điều đó khiến cho diện mạo văn học Phật giáo mang các thuộc tính thuần Việt ngày càng rõ nét.

Về nội dung tư tưởng của văn học Phật giáo Lý - Trần, bên cạnh các yếu nghĩa Không, Vô thường, Vô ngã của triết lí Đại thừa, bộ phận văn học này còn đề cao tinh thần nhập thế tích cực trong cả hai xu hướng "Phật giáo vận động độc lập dân tộc" và "Phật giáo hòa quang đồng trần" như khẳng định của Lê Mạnh Thát [4; tr.5]. Văn học Phật giáo thời đại này không phản ánh tư tưởng xuất thế mà là sự quan tâm sâu sắc tới vận mệnh dân tộc và thân phận con người. Đó là nhân duyên ra đời của lẽ đạo "Vô vi cư điện các" trong "Quốc tộ" của Pháp Thuận, hay bức tranh quê nhà thuần hậu nét đẹp cảnh vật nước Việt hòa hợp trong lẽ đạo huyền vi trong "Thiên Trường vãn vọng" của Trần Nhân Tông… Theo ý kiến của người viết, khi hội nhập vào đất Việt, hơn bất

kỳ đâu trên thế giới, tinh thần nhập thế dấn thân của Phật giáo thế độ cho chúng sinh đau khổ vì đói nghèo, bất hạnh và nô lệ cùng sự trăn trở về vận mệnh dân tộc luôn xoay vần trong binh lửa ngoại xâm biểu lộ sâu sắc nhất tinh thần từ bi của đạo Bụt. (Có lẽ cũng từ đây đã sớm hình thành con đường "Đạo pháp đồng hành cùng dân tộc" và đạo Phật thường được người Việt cảm nhận là đạo của tình thương, của trách nhiệm sống, đôi khi lấn át cả phần của "trí huệ giải thoát"). Điều này được phản ánh vào tác phẩm văn học Phật giáo, cho dù dung lượng phản ánh không được phép vượt qua giới hạn của Chân lý Đạo, vốn là nội dung tư tưởng đồng nhất của mọi nền văn học Phật giáo trên thế giới.

Về khả năng duy trì sức ảnh hưởng của văn học dân gian vào văn học thành văn để tạo khả năng độc lập và đặc sắc riêng của văn học dân tộc, thì vai trò của văn học Phật giáo Lý - Trần là đáng kể. Có thể nói thời kỳ sơ khởi của văn học dân tộc, chính văn hóa dân gian đã thanh lọc và tạo ra thần thái ưu việt cho cả văn học Nho giáo và văn học Phật giáo. Các đề tài, thi tứ, con người, cảnh sắc... Trong thơ văn của người tu Phật từng bước từ bỏ sự ước lệ, tượng trưng của văn học Trung Hoa để quay về các đề tài Phật giáo Việt Nam, với sự hiện hữu sống động nhuần nhị và khỏe khoắn. Ngược lại, văn học Phật giáo bổ sung và làm sâu sắc nội hàm trí tuệ cho văn hóa và văn học dân gian và văn học viết bằng tư duy thẩm mỹ chuộng nét đẹp dung dị, phóng khoáng mang tính cách bình dân của nhà Phật. Văn học Phật giáo cũng mau chóng hòa hợp với văn học bác học bằng tiêu chuẩn Chân Thiện Mỹ, văn học tải đạo, tùng thiện, chuộng sự thanh nhã, tịch lặng, huyền ảo nửa có nửa không, nửa thực nửa huyễn kiểu tư duy sắc - không và tư duy trực cảm mang màu sắc tâm linh. Tư tưởng Nho giáo và hiện thực lịch sử sớm hình thành ra cảm hứng yêu nước trong văn học hình thành mảng văn học hùng văn thể hiện lòng tự hào dân tộc có hình tượng trung tâm là người anh hùng 'tự trọng" và "tự nhiệm" gắn với suy tư về sự trường cửu của vận mệnh dân tộc cùng khát vọng hòa bình muôn thuở. Bên cạnh đó, cảm hứng tôn giáo mang tính nhân văn hình thành mảng văn học Phật giáo, điển hình nhất là văn học Phật giáo Lý - Trần nổi bật hình tượng người thiền sư trầm tịch nghĩ suy về sinh mệnh thế nhân. Như vậy văn học Phật giáo là một trong hai mảng quan trọng hình thành văn học Trung đại Việt nam, khởi nguồn của cảm hứng nhân văn trong văn học dân tộc, duy trì mạch ảnh hưởng của văn học dân gian vào văn học thành văn dân tộc.

2.4. Sự vận động của nội tại dòng chảy văn học Phật giáo từ thời Lý đến thời Trần ở phương diện tư duy văn học và bản chất thẩm mỹ của hình tượng văn học

Trước hết văn học Phật giáo Lý - Trần tồn tại như một dòng chảy, tinh chất của dòng văn học này được kế tục liên tục và không ngừng tự hoàn thiện. Nghiên cứu vào hệ thống văn bản có thể nhận thức: văn học đời Trần kế tục tinh thần Thiền tông và xiển dương Phật giáo nhập thế, hòa hợp giáo nghĩa Vô thường Vô ngã của nhà Phật vào tinh

thần tự nhiệm của Nho học. Đó vừa mang đặc trưng riêng biệt của giáo nghĩa nhà Phật, vừa có tinh thần khế hợp Nho - Phật - Lão đồng nguyên bắt nguồn từ văn học Phật giáo thời nhà Lý. Về thẩm mỹ văn học, thơ văn đời Lý thiên về nhận thức chân lý, minh họa giáo lý, thơ văn đời Trần đậm tính văn học. Điều đó được hình dung như dòng chảy của thơ văn từ sơ khởi đến phát triển tinh hoa. Cống hiến độc đáo và to lớn nhất của văn học Phật giáo Lý - Trần cho nền văn học dân tộc là khám phá về mẫu con người Thiền sư, hành giả tu tập giải thoát bằng tinh thần phá chấp và vô ngã (Hình tượng văn học Phật giáo khác biệt văn học của các tôn giáo khác ở tính vô ngã và bình đẳng trong nội dung biểu hiện). Văn học Phật giáo có mục tiêu chủ chốt là nhận thức thế giới và bản thể con người trong các quy luật phổ quát nhất của nó: Quy luật hình thành, vận động - chuyển hóa và hoại diệt của vạn vật, nên hình tượng văn học Phật giáo có khả năng biểu lộ xuất sắc nhất điều đó. Riêng bản thể con người, có một vấn đề then chốt là thế giới cảm xúc tri giác, hình thành tâm hồn con người như một "đặc trưng duy nhất" - tấm thẻ căn cước phân định con người và tự nhiên, con người và thượng đế mà văn học có sứ mệnh khám phá và lý giải. Đối diện với vấn đề này, văn học Phật giáo Nguyên Thủy lựa chọn sự gạt bỏ, phủ định triệt để để đi tới giải thoát (phủ định bằng tinh thần nhấn mạnh Vô thường - Khổ - Vô ngã và đề cao Thiền định). Văn học Phật giáo Đại thừa, trong đó có văn học Phật giáo Lý - Trần lựa chọn phương thức khế hợp, lắng nghe, chuyển hóa các cảm xúc tiêu cực, phàm tục trở nên thanh khiết, tinh khôi, hội nhập bản thể con người vào trạng thái thanh tĩnh, như nhiên, tịch lặng, cô liêu của Tự nhiên trong sự chủ động giác biết và chiều hướng nhận thức thế giới bằng cái nhìn tuyệt đối biện chứng - sự chuyển hóa của Hữu - Vô, biểu hiện và vô biểu. Trọng tâm của tư tưởng này chuyển từ Khổ - Vô thường - Vô Ngã thành Vô thường - Vô Ngã - Không. Hình tượng văn học Phật giáo Đại thừa do đó lược bỏ dần tính chất phong phú của tư duy hiện tượng, đề cao tư duy khái quát. Hình tượng văn học được sử dụng như một phương tiện giáo hóa hoặc tỏ bày giác ngộ và chỉ có một ý nghĩa tổng thể chi phối mọi ý nghĩa xuất hiện trong tác phẩm văn học Phật giáo: các tư tưởng, luật lệ, lý tưởng giáo lý. Ý nghĩa của nó bị giới hạn ở chỗ bao nhiêu ý nghĩa phong phú của đời sống đều quy về một vài ý nghĩa, từ một vài ý nghĩa lại quy về ý nghĩa duy nhất là phụng đạo - văn học tải đạo không tải đời. Yếu tố đời tục bị tước bỏ và bị điều Thiêng của tôn giáo lấn át. Trong cách thể hiện hình tượng văn học có thể xuất hiện cái phàm tục nhưng nó chỉ có tư cách minh họa cho yếu tố Khổ và Vô thường. Cấu trúc nội tại của hình tượng văn học bị trong sạch hóa và mô hình hóa, bị chi phối bởi tư duy duy lý đơn nhất trong định hướng ý nghĩa, nhắm tới một ý nghĩa duy nhất là tinh thần triết học Phật giáo. Biểu tượng hóa chi phối tuyệt đối, độc đoán, và sâu sắc lên tư duy hình tượng văn học, bằng ý nghĩa của các triết lí. Cô gái ngồi thêu bên cửa dừng kim thương xót cho cuộc đời không biết rằng mình mới chính là kẻ đáng thương trong thơ Huyền Quang biểu tượng cho nhân sinh giả tạm, ngắn ngủi, đầy đau khổ. Điều này khiến

văn học Phật giáo Lý - Trần trở nên gần gũi và tiêu biểu cho đặc trưng của văn học cổ cận vì ý nghĩa "tải đạo" này. Hình tượng nghệ thuật điển hình trong văn học Phật giáo do đó là con người Thiền, con người trong tiến trình giác ngộ giải thoát (con người vô ngã, vô ngôn, vô úy, vô trụ, vô sự, vô tâm, phá chấp, vô lậu học…), con người hành đạo (tự do, tự tại, tùy duyên); con người hành hương - con người kiếm tìm đường về bản lai diện mục, con người thực chứng và liễu ngộ gia hương, con người thật không địa vị… Hình tượng thiên nhiên mang đặc trưng thẩm mỹ thiền: cô liêu, tịch tịnh, thiên nhiên biểu hiện các quy luật luân hồi, thiên nhiên trong sự tương giao, cảm ứng với con người giác ngộ để biểu lộ, hiển bày chân tâm.

3. KẾT LUẬN

Ở phương diện tư tưởng triết học Phật giáo, văn học Phật giáo Lý - Trần chịu ảnh hưởng trực tiếp và toàn diện bởi tư tưởng và phương thức tu trì của hệ phái Phật giáo Bắc truyền đậm màu sắc Trung Hoa, với hệ thống văn tự chủ yếu để lưu chuyển Tam tạng là Hán ngữ. Những tư tưởng chính thống của các trường phái Đại thừa có ảnh hưởng tới các tác giả văn học Phật giáo Việt Nam không mang tính hệ thống, cũng không thuần nhất ở một trường phái mà mang tính cách tổng hòa, pha trộn. Trước tác của nhiều hành giả xuất hiện dấu ấn tư tưởng của nhiều tông phái và ngay trong chính Thiền tông với ba dòng thiền lớn cũng chỉ có sự tách biệt về nguồn gốc và pháp tu, chứ sự tách biệt không biểu hiện ở sáng tác của từng tác giả. Ở phương diện lý luận văn học, sự vận động phát triển của văn học Phật giáo Lý - Trần có xu hướng dân tộc hóa sâu sắc. Điều đó biểu thị ở cả quan niệm và tư duy nghệ thuật, đề tài, hình tượng, ngôn ngữ. Như vậy, sự hình thành, phát triển, đặc điểm của mảng văn học này dựa trên hai nền tảng căn bản là tư tưởng Đại thừa Phật giáo và các vận động thẩm mỹ của văn học dân tộc thời trung đại. Trong bốn đặc điểm tổng quát trên, vai trò của tư tưởng giáo lý là tiên quyết. Nó trực tiếp quy định kiểu tư duy hình tượng và quy trình sáng tạo tác phẩm từ cảm hứng nghệ thuật, sự lựa chọn đề tài, cái tôi nhà văn - ngôn ngữ tác phẩm, quan niệm về con người, phẩm chất của hình tượng nghệ thuật, cho đến các phương thức biểu đạt, hệ thống biểu tượng, sự lựa chọn các thể loại văn học... đồng thời quy định luôn định hướng tiếp nhận các giá trị về nó với sứ mạng "khai ngộ Phật tri kiến", cứu đời, độ đời là tôn chỉ thiêng liêng cho sự tồn tại, duy trì. Văn học Phật giáo Lý - Trần là một bộ phận của văn học dân tộc, tập hợp những tác phẩm ngôn từ có chức năng tôn giáo (nghi lễ hoặc truyền đạo) được sáng tác bằng chữ Hán âm Hán - Việt và chữ Nôm; thể hiện trực tiếp hay gián tiếp những tư tưởng giáo lý Phật - Thiền (chú giải, kinh nghiệm về các vấn đề liên quan đến giáo pháp hoặc sự chứng ngộ các yếu nghĩa của giáo pháp), tán tụng Phật và thánh chúng, hay biểu lộ các trạng thái tâm hồn của những người tu đạo… giới hạn trong một giai đoạn lịch sử cụ thể là thời đại Lý - Trần.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Thích Nhất Hạnh (1977), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

[2] Nguyễn Công Lí (2002), *Văn học Phật Giáo thời Lý - Trần, Diện mạo và đặc* điểm, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.

[3] Lê Văn Siêu (1956), *Lịch sử văn học Việt Nam (từ thượng cổ tới hiện đại)*, Nxb. Thế Giới, Sài Gòn.

[4] Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.

[5] Viện Văn học (1977), *Thơ Văn Lý - Trần*, tập I, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[6] Tuệ Sỹ (1972), *Dẫn vào thế giới văn học Phật giáo*, https://thuvien hoasen. org/a26005/dan-vao-the-gioi-van-hoc-phat-giao.

BASIC CHARACTERISTICS OF LY-TRAN BUDDHIST LITERATURE

Pham Thi Thu Loan

ABSTRACT

Ly-Tran Buddhist literature is considered the best of Buddhist literature in Vietnam. The process of collecting and researching it has been concerned by many generations of Buddhist monks and scholars. Research is carried out in many ways: collecting, translating, exploring content, analyzing poetic, comparing, etc. These are indispensable steps of literary theory, but it is not enough. Understanding the basic characteristics of Buddhist literature from the combination of Buddhist philosophy and literary theory is the direction of scientific research to find out the nature and appearance of this literature.

Keywords: *Buddhist literature, Mahayana Buddhism, Ly-Tran Buddhism literature.*